



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN  
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
BỘ MÔN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM

## Môn: Thiết kế & Lập trình Web 1

Bài 05:  
BÀI 05:

## Ngôn ngữ JavaScript

Nguyễn Đức Huy  
[ndhuy@fit.hcmus.edu.vn](mailto:ndhuy@fit.hcmus.edu.vn)

# Nội dung





# Giới thiệu

## JavaScript



Ngôn ngữ JavaScript



## ● Client-Side Script

- Script được thực thi tại *Client-Side* (trình duyệt): Thực hiện các tương tác với người dùng (tạo menu chuyển động, ...), kiểm tra dữ liệu nhập,...

## ● Server-Side Script

- Script được xử lý tại *Server-Side*, nhằm tạo các trang web có khả năng phát sinh nội dung động. Một số xử lý chính: kết nối CSDL, truy cập hệ thống file trên server, phát sinh nội dung html trả về người dùng...



# Giới thiệu về Javascript



- **JavaScript** Là ngôn ngữ *Client-side script* hoạt động trên trình duyệt của người dùng (*client*)
- **Chia sẻ xử lý** trong ứng dụng web. Giảm các xử lý không cần thiết trên server.
- Giúp **tạo các hiệu ứng, tương tác** cho trang web.



# Giới thiệu về Javascript



- Khi trình duyệt (*Client browser*) truy cập trang web có chứa các đoạn mã xử lý tại server-side. Server (run-time engine) sẽ thực hiện các lệnh *Server-side Scripts* và trả về nội dung HTML cho trình duyệt.
- Nội dung HTML trả về chủ yếu bao gồm: *mã html, client-script*.





# Nhúng JavaScript vào trang HTML



Ngôn ngữ JavaScript



# Nhúng Javascript vào trang web



Định nghĩa Script trực tiếp trong trang HTML:

```
<script type="text/javascript">  
    <!--  
        // Lệnh Javascript  
    -->  
</script>
```

Nhúng sử dụng script cài đặt từ 1 file .js khác:

```
<script src="abc.js"></script>
```



# Nhúng JavaScript vào trang Web



- Web Browser sẽ thực thi **<script>** khi load trang web theo thứ tự từ *trên xuống* dưới.
- Đối với *Source code JavaScript* có thể đặt trong các file *.js* sẽ được *nhúng* vào file HTML trước khi hoạt động.
- Các đoạn *code JavaScript* được Browser xử *cùng thứ tự* với các thẻ *HTML*. Trừ các *hàm (function)* chỉ được thực thi khi *có lời gọi hàm*.



# Nhúng Javascript vào trang web



```
<html>
  <head>
    <script type="text/javascript">
      some statements
    </script>
  </head>
  <body>
    <script type="text/javascript">
      some statements
    </script>

    <script src="Tên_file_script.js">method()</script>
    <script type="text/javascript">
      // gọi thực hiện các phương thức được định nghĩa
      // trong "Tên_file_script.js"
    </script>
  </body>
</html>
```



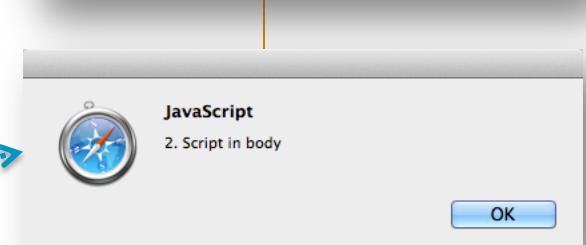
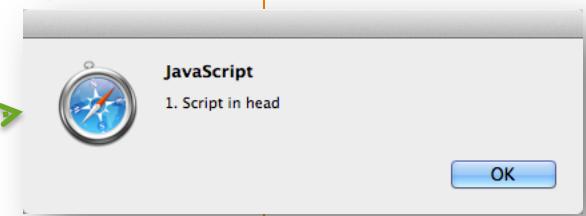
# Nhúng Javascript vào trang web



- Đặt giữa tag `<head>` và `</head>`: script sẽ thực thi ngay khi trang web được mở.
- Đặt giữa tag `<body>` và `</body>`: script trong phần body được thực thi khi trang web đang mở (sau khi thực thi các đoạn script có trong phần `<head>`).
- Số lượng đoạn client-script chèn vào trang không hạn chế.

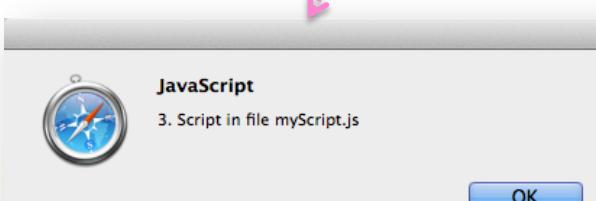


```
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN"  
"http://www.w3.org/TR/xhtml1/DTD/xhtml1-transitional.dtd">  
<html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">  
  <head>  
    <meta http-equiv="Content-Type" content="text/html;  
charset=UTF-8" />  
    <title>Title of website</title>  
    <script type="text/javascript">  
      alert("1. Script in head");  
    </script>  
  </head>  
  
  <body>  
    <script type="text/javascript">  
      alert("2. Script in body");  
    </script>  
  
    <script type="text/javascript" src="myScript.js" ></script>  
  
    <script type="text/javascript">  
      showMessage();  
    </script>  
  </body>  
</html>
```



File *myScript.js*

```
function showMessage()  
{  
  alert("3. Script in file myScript.js");  
}
```



3

# Kiểu dữ liệu và cú pháp

## Ngôn ngữ JavaScript



Ngôn ngữ JavaScript

# Biến số trong Javascript



- Cách đặt tên biến

- Bắt đầu bằng một chữ cái hoặc dấu \_
- A..Z,a..z,0..9,\_ : phân biệt HOA, Thường

- Khai báo biến

- Sử dụng từ khóa **var**

Ví dụ: **var count = 10, amount;**

- *Không cần khai báo biến trước khi sử dụng*, biến thật sự tồn tại khi bắt đầu sử dụng lần đầu tiên.
- Biến *không cần khai báo kiểu dữ liệu* vì biến trong javascript *không có kiểu dữ liệu nhất định*



# Kiểu dữ liệu trong Javascript



Kiểu dữ liệu	Ví dụ	Mô tả
Object	var listBooks = new Array(10) ;	Trước khi sử dụng, phải cấp phát bằng từ khóa new
String	“The cow jumped over the moon.” “40”	Chứa được chuỗi unicode Chuỗi rỗng “”
Number	0.066218 12	Theo chuẩn IEEE 754
boolean	true / false	
undefined	var myVariable ;	myVariable = undefined
null	connection.Close();	connection = null

*Một biến trong JavaScript có thể lưu bất kỳ kiểu nào*



# Đổi kiểu dữ liệu



- Biến tự đổi kiểu dữ liệu khi giá trị mà nó lưu trữ thay đổi

Ví dụ:

```
var x = 10;           // x kiểu Number  
x = "hello world !"; // x kiểu String
```

- Có thể cộng 2 biến khác kiểu dữ liệu

Ví dụ:

```
var x;  
x = "12" + 34.5;    // KQ: x = "1234.5"
```

- Hàm **parselInt(...)**, **parseFloat(...)** : Đổi KDL từ chuỗi sang số.



# Hàm trong Javascript



- Dạng thức khai báo chung:

```
function Tên_hàm(thamso1, thamso2, ...)  
{  
    ...  
}
```

- Hàm có giá trị trả về:

```
function Tên_hàm(thamso1, thamso2, ...)  
{  
    ...  
    return (value);  
}
```

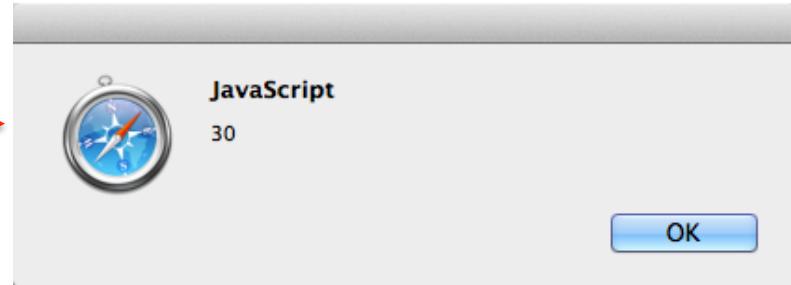


# Hàm trong Javascript



- Ví dụ:

```
function Sum(x, y)
{
    tong = x + y;
    return tong;
}
```



- Gọi hàm:

```
var x = Sum(10, 20);
alert(x);
```



# Các quy tắc chung



- Khối lệnh được bao trong dấu {}
- Mỗi lệnh nên kết thúc bằng dấu ;
- Cách ghi chú thích:
  - // Chú thích 1 dòng
  - /\* Chú thích  
nhiều dòng \*/



# Câu lệnh if



```
if (condition)
{
    statement[s] if true
}
else
{
    statement[s] if false
}
```

Ví dụ:

```
var x = 5, y = 6, z;
if (x == 5)
{
    if (y == 6)
        z = 17;
    else
        z = 20;
```

# Câu lệnh switch



**switch (expression)**

{

**case label1 :**

**statementlist**

**case label2 :**

**statementlist**

...

**default :**

**statement list**

}

Ví dụ :

```
var diem = "G";
switch (diem) {
    case "Y":
        document.write("Yếu");
        break;
    case "TB":
        document.write("Trung bình");
        break;
    case "K":
        document.write("Khá");
        break;
    case "G":
        document.write("Giỏi");
        break;
    default:
        document.write("Xuất sắc");
```

}



# Vòng lặp for



```
for ([initial expression]; [condition]; [update expression])
{
    statement[s] inside loop
}
```

Ví dụ:

```
var myarray = new Array();
for (i = 0; i < 10; i++)
{
    myarray[i] = i;
}
```



# Vòng lặp while & do ... while



**while** (*expression*)

{

*statements*

}

**do**

{

*statements*

} **while** (*expression*);

Ví dụ:

```
var i = 9, total = 0;
```

```
while (i < 10)
```

{

```
    total += i * 3 + 5;
```

```
    i = i +5;
```

}

Ví dụ:

```
var i = 9, total = 0;
```

```
do
```

{

```
    total += i * 3 + 5;
```

```
    i = i +5;
```

```
} while (i < 10);
```

4

## Xử lý sự kiện với JavaScript



Ngôn ngữ JavaScript

# Các sự kiện thông dụng

- Các sự kiện được hỗ trợ bởi hầu hết các đối tượng
  - **onClick**
  - **onFocus**
  - **onChange**
  - **onBlur**
  - **onMouseOver**
  - **onMouseOut**
  - **onMouseDown**
  - **onMouseUp**
  - **onLoad**
  - **onSubmit**
  - **onResize**
  - ...



# Xử lý sự kiện cho các thẻ HTML

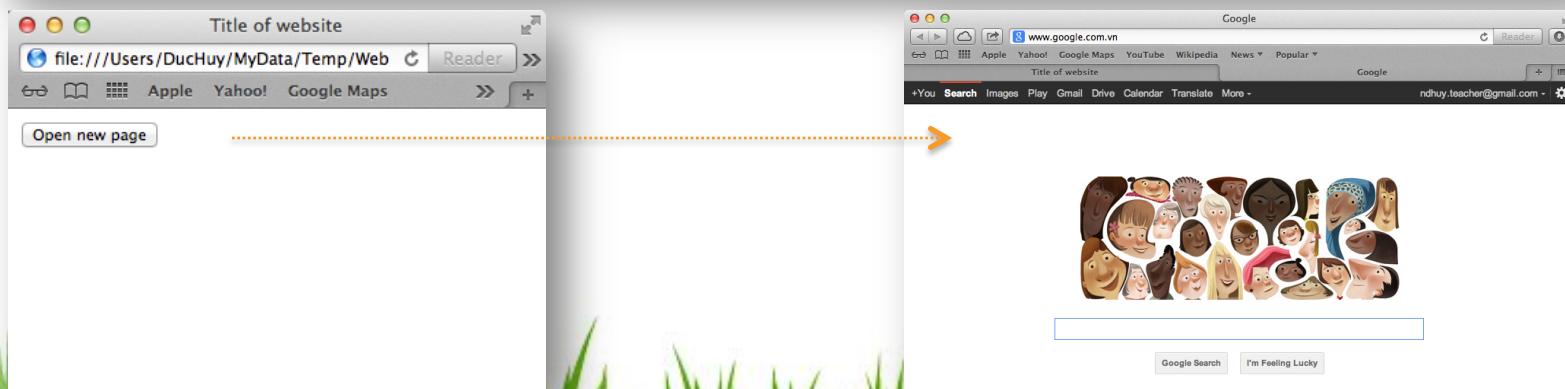


- Cú pháp:

**<TAG eventHandler = "JavaScript Code">**

- Lưu ý: Dấu “...” và ‘...’

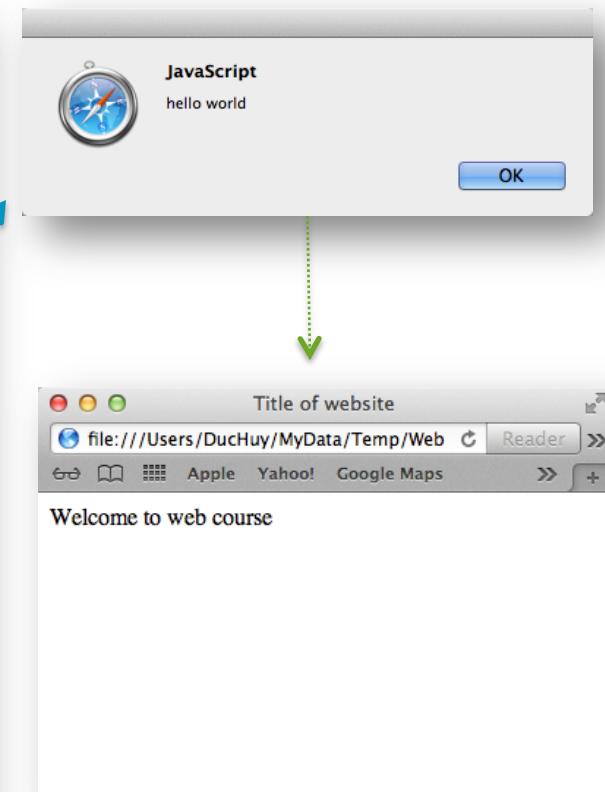
```
<body>
  <input type="button"
         name="btnClickMe"
         value="Open new page"
         onclick="window.open('http://www.google.com');" />
</body>
```



# Xử lý sự kiện bằng function



```
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0  
Transitional//EN" "http://www.w3.org/TR/xhtml1/  
DTD/xhtml1-transitional.dtd">  
<html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">  
  <head>  
    <meta http-equiv="Content-Type"  
content="text/html; charset=UTF-8" />  
    <title>Title of website</title>  
    <script type="text/javascript">  
      function ShowMessage() {  
        alert("hello world");  
      }  
    </script>  
  </head>  
  <body onload="ShowMessage()">  
    Welcome to web course  
  </body>  
</html>
```



# Xử lý sự kiện bằng thuộc tính



- Gán tên hàm xử lý cho 1 object event

**object.eventhandler = function\_name;**

```
<html>
  <head>
    <script language="Javascript">
      function GreetingMessage()
      {
        window.alert("Welcome to my world");
      }

      window.onload = GreetingMessageX
    </script>
  </head>

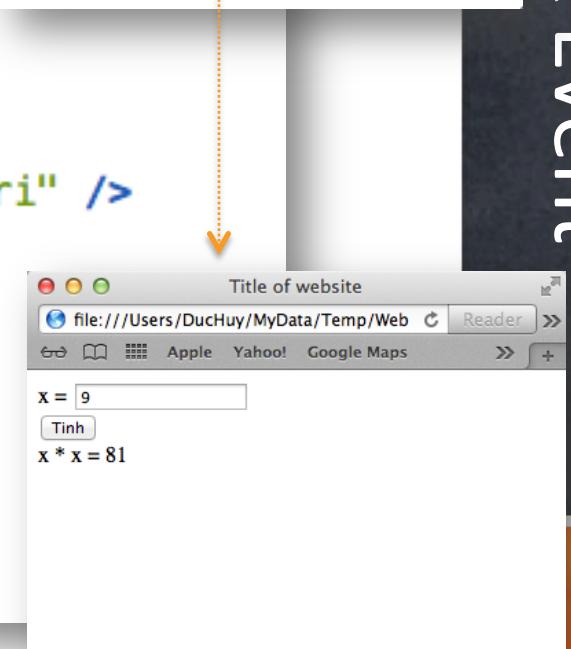
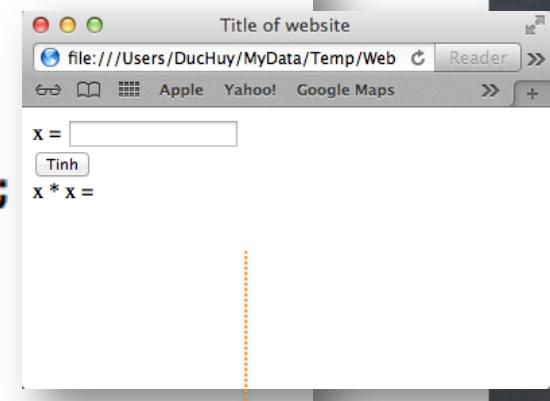
  <body>
  </body>
<html>
```



# Ví dụ Onclick Event

```
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN" "http://www.w3.org/TR/xhtml1/DTD/xhtml1-transitional.dtd">
<html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">
    <head>
        <meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=UTF-8" />
        <title>Title of website</title>
        <script type="text/javascript">
            function TinhToan() {
                var x = frmMain.txtGiaTri.value;
                ketQua.innerHTML = x * x;
            }
        </script>
    </head>

    <body>
        <form name="frmMain">
            x = <input type="text" name="txtGiaTri" />
            <br />
            <input type="button" value="Tinh"
                   onclick="TinhToan()" />
            <br />
            x * x = <span id="ketQua"></span>
        </form>
    </body>
</html>
```



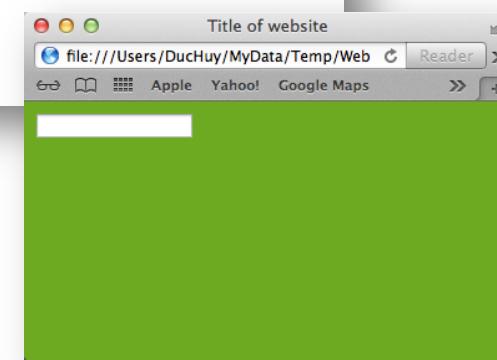
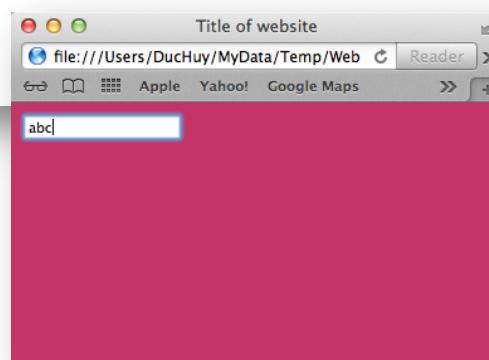
# Ví dụ onFocus - onBlur



- Xảy ra khi một thành phần HTML bị focus (onFocus) và mất focus (onBlur)

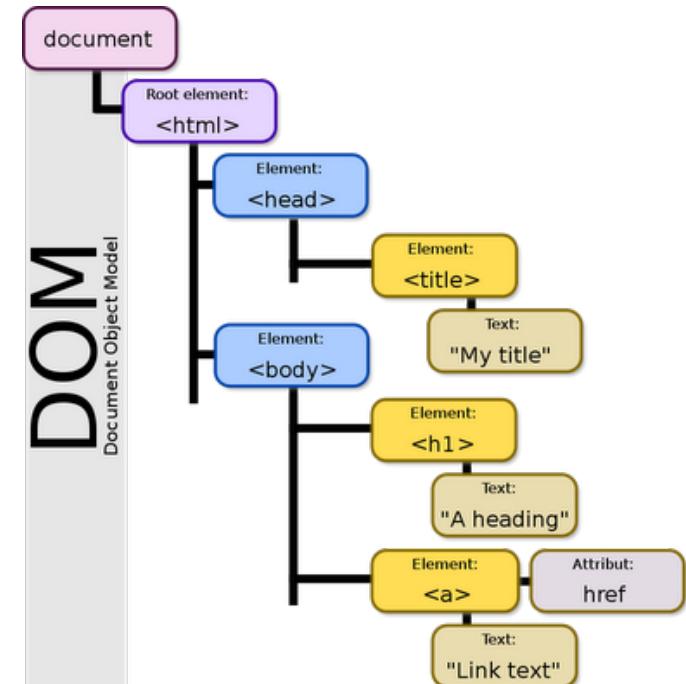
```
<body>
  <form name="frmMain">
    <input type="text"
      onfocus="document.bgColor='#cc3366';"
      onblur="document.bgColor='#66aa33';"

    />
  </form>
</body>
```





# HTML DOM và JavaScript



Ngôn ngữ JavaScript

# Đối tượng HTML DOM



- **DOM** = Document Object Model
- Là tập hợp các đối tượng HTML chuẩn được dùng để **truy xuất** và **thay đổi thành phần** HTML trong trang web ( thay đổi nội dung tài liệu của trang )
- Một số đối tượng của DOM: **window, document, history, link, form, frame, location, event, ...**



# Đối tượng Window - DOM



- Là thể hiện của đối tượng **cửa sổ trình duyệt**
- Tồn tại khi mở 1 tài liệu HTML
- Sử dụng để truy cập thông tin của các đối tượng trên cửa sổ trình duyệt (tên trình duyệt, phiên bản trình duyệt, thanh tiêu đề, thanh trạng thái ... )



# Đối tượng Window - DOM



## Properties

- document
- event
- history
- location
- name
- navigator
- screen
- status

## Methods

- Alert
- Confirm
- Prompt
- Blur
- close
- Focus
- open

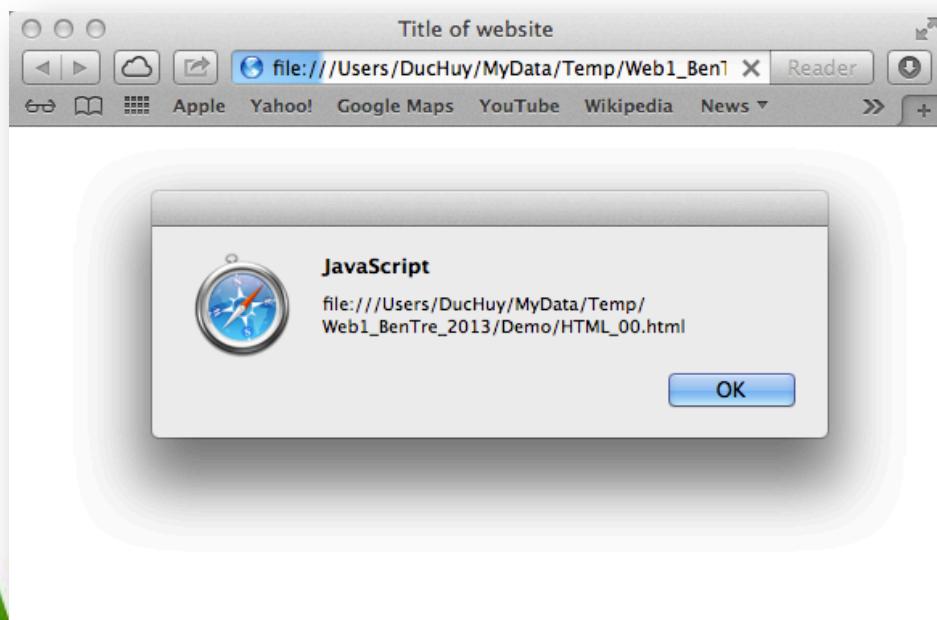


# Đối tượng Window - DOM



## ● Ví dụ:

```
<html>
  <body>
    <script type="text/javascript">
      var curURL = window.location;
      window.alert(curURL);
    </script>
  </body>
</html>
```



# Đối tượng Document - DOM



- Biểu diễn cho **nội dung trang HTML** đang được hiển thị trên trình duyệt
- Dùng để lấy thông tin về tài liệu, các thành phần HTML và xử lý sự kiện



# Đối tượng Document - DOM



- **Properties**

- aLinkColor
- bgColor
- body
- fgColor
- linkColor
- title
- URL
- vlinkColor
- forms[]
- images[]
- childNodes[]

- **Methods**

- close
- open
- **createTextNode(" text ")**
- **createElement("HTMLtag")**
- **getElementById("id")**
- ...



# Đối tượng Document - DOM



- Biểu diễn nội dung của tài liệu theo cấu trúc cây

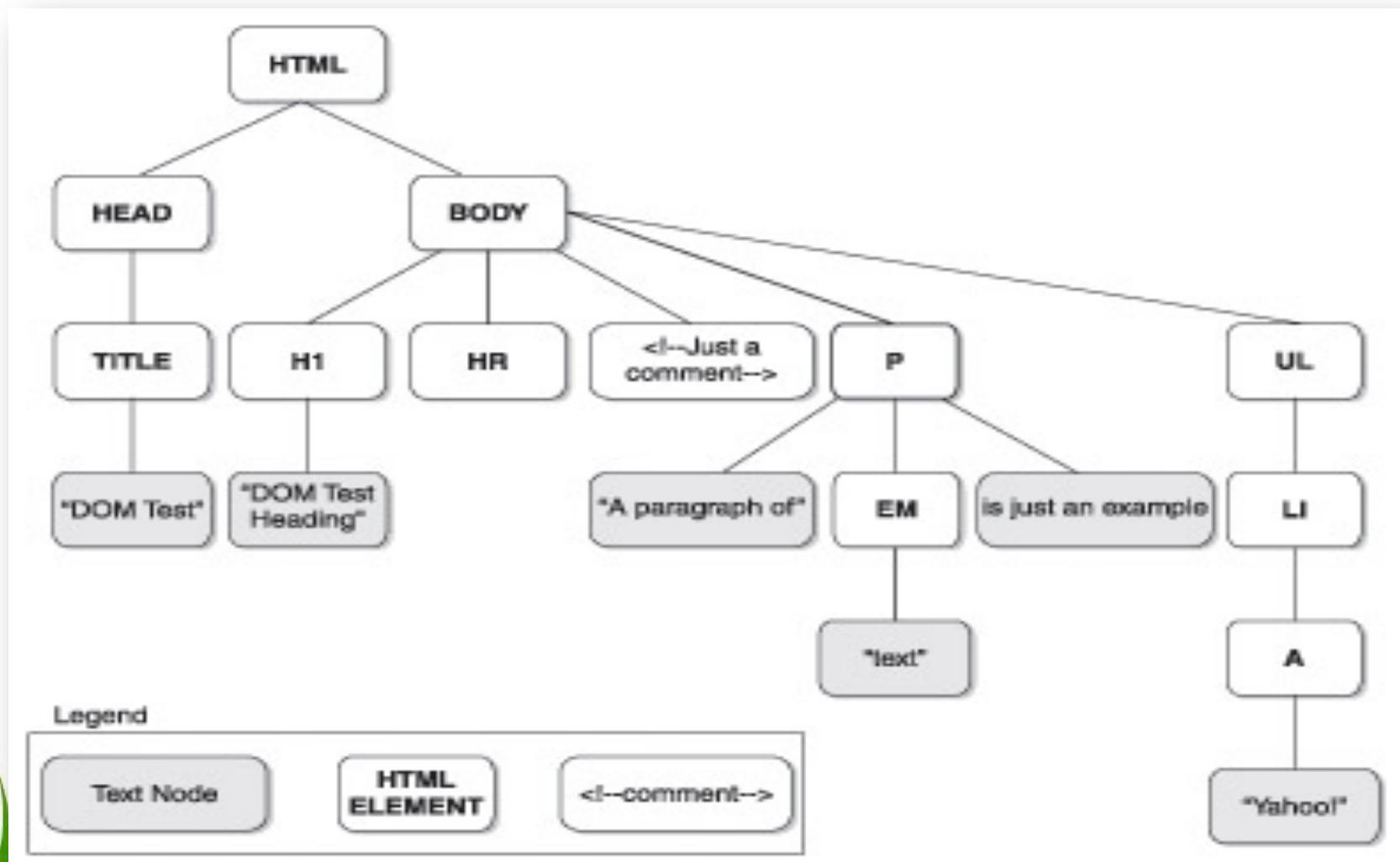
```
<html>
  <head>
    <title>DOM Test</title>
  </head>
  <body>
    <h1>DOM Test Heading</h1>
    <hr />
    <!-- Just a comment -->
    <p id="p1" >A paragraph of <em>text</em> is just an example</p>
    <ul>
      <li>
        <a href="http://www.yahoo.com" > Yahoo! </a>
      </li>
    </ul>
  </body>
</html>
```



# Đối tượng Document - DOM



- Cấu trúc cây nội dung tài liệu



# Đối tượng Document - DOM



## Các loại *DOM Node* chính

Node Type Number	Loại	Mô tả	Ví dụ
1	Element	(X)HTML or XML element	<p>...</p>
2	Attribute	Thuộc tính của HTML hay XML element	align="center"
3	Text	Nội dung chứa trong HTML or XML element	This is a text fragment!
8	Comment	HTML comment	<!-- This is a comment -->
9	Document	Đối tượng tài liệu gốc, thường là element nằm ở cấp cao nhất trong cây cấu trúc của tài liệu	<html>
10	DocumentType	Định nghĩa loại tài liệu	<!DOCTYPE HTML PUBLIC "-//W3C//DTD HTML 4.01 Transitional//EN" "http://www.w3.org/TR/html4/loose.dtd">

# Đối tượng Document - DOM



- **getElementById ( id1 )**

Trả về node có giá trị thuộc tính **id = id1**

Ví dụ:

```
//<p id="id1" >  
//      some text  
//</p>
```

Text Node

```
var node = document.getElementById("id1");  
var nodeName = node.nodeName; // p  
var nodeType = node.nodeType; // 1  
var nodeValue = node.nodeValue; // null  
var text = node.innerText ; // some text
```

# Đối tượng Document - DOM



- **createElement (nodeName)**

Cho phép tạo ra 1 node HTML mới tùy theo đối số *nodeName* đầu vào

Ví dụ:

```
var imgNode = document.createElement("img");
imgNode.src = "images/test.gif";
```

```
// 
```

# Đối tượng Document - DOM



- createTextNode (*content*)

Ví dụ:

```
var textNode = document.createTextNode("New text");
var pNode = document.createElement("p");
pNode.appendChild(textNode);
```

```
// <p>New text</p>
```



# Đối tượng Document - DOM



- appendChild (newNode)

Chèn node mới **newNode** vào cuối danh sách các node con của một node.

Ví dụ:

```
//<p id="id1" >  
//      some text  
//</p>  
var pNode = document.getElementById("id1");  
var imgNode = document.createElement("img");  
imgNode.src = "images/test.gif";  
pNode.appendChild(imgNode);  
  
//<p id="id1" > some text  </p>
```

# Đối tượng Document - DOM



## ● innerHTML

Chỉ định nội dung HTML bên trong một node.

Ví dụ:

```
//<p id="para1">  
//  some text  
//</p>  
var theElement = document.getElementById("para1");  
theElement.innerHTML = "Some <b> new </b> text";
```

// Kết quả :

```
// <p id="para1" >  
// Some <b> new </b> text  
// </p>
```

# Đối tượng Document - DOM



- **innerText**

Tương tự *innerHTML*, tuy nhiên bất kỳ nội dung nào đưa vào cũng được xem như là text hơn là các thẻ HTML.

Ví dụ:

```
var theElement = document.getElementById("para1");
theElement.innerText = "Some <b> new </b> text";
```

```
// Kết quả hiển thị trên trình duyệt
// bên trong thẻ p: "Some <b> new </b> text"
```

# 6

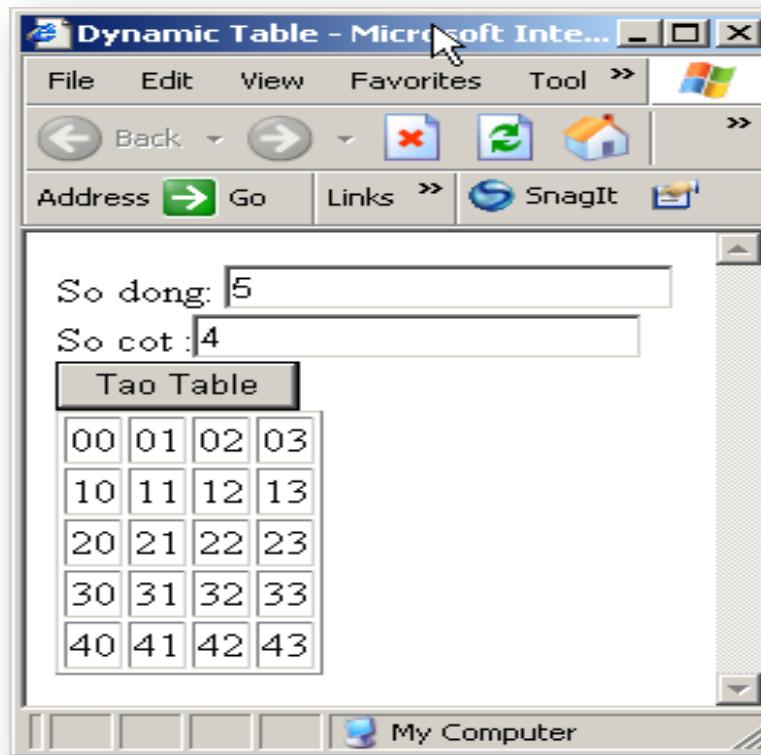
## Ví dụ Ứng dụng



Ngôn ngữ JavaScript

# Ví dụ Dynamic Table

- Viết trang web cho phép tạo table có số dòng, số cột do người dùng nhập vào.



# Ví dụ Dynamic Table



```
<Table>
```

```
  <Tr>
```

```
    <td> 12 </td>
    <td> 13 </td>
```

```
  </Tr>
```

```
  <Tr>
```

```
    <td> 21 </td>
    <td> 22 </td>
```

```
  </Tr>
```

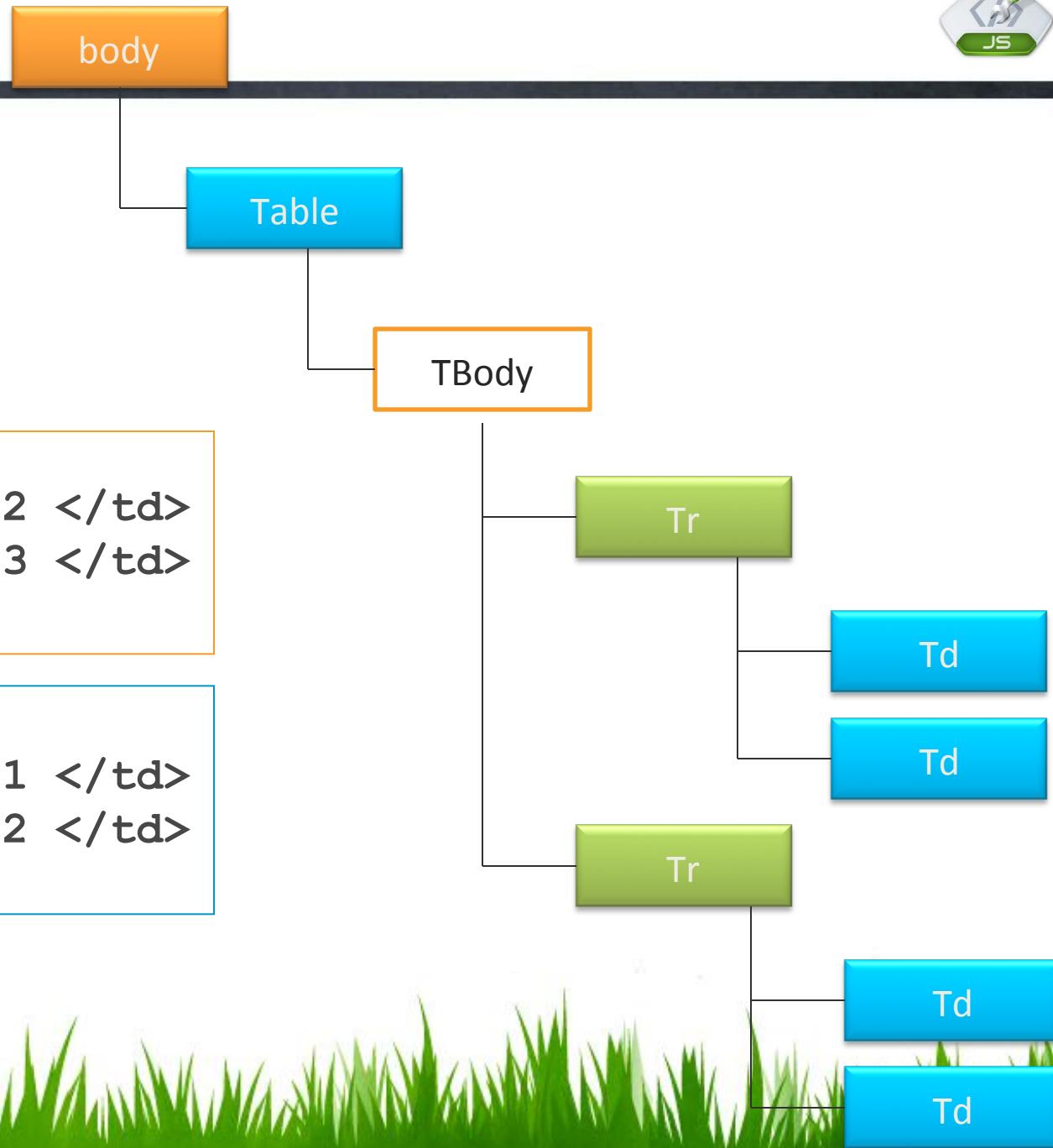
```
</Table>
```



# Ví dụ



```
<Table>
  <Tbody>
    <Tr>
      <td> 12 </td>
      <td> 13 </td>
    </Tr>
    <Tr>
      <td> 21 </td>
      <td> 22 </td>
    </Tr>
  </Tbody>
</Table>
```



# Ví dụ Dynamic Table



- `Document.createElement(...)` :Tạo một đối tượng thẻ DOM HTML
- `Object.appendChild(...)`: Thêm một đối tượng thẻ DOM HTML như là nút con.





# Ví dụ Dynamic Table

```
function CreateTable(divTable)
{
    var tagTable = document.createElement("table");
    tagTable.border = 1;

    var tagTBody = document.createElement("tbody");
    tagTable.appendChild(tagTBody);

    var nDong = txtSoDong.value;
    var nCot = txtSoCot.value;

    for (i=0; i<nDong; i++)
    {
        var tagTR = document.createElement("tr");
        for (j=0; j<nCot; j++)
        {
            var tagTD = document.createElement("td");
            var textNode = document.createTextNode(i+"_"+j);
            tagTD.appendChild(textNode);

            tagTR.appendChild(tagTD);
        }

        tagTBody.appendChild(tagTR);
    }

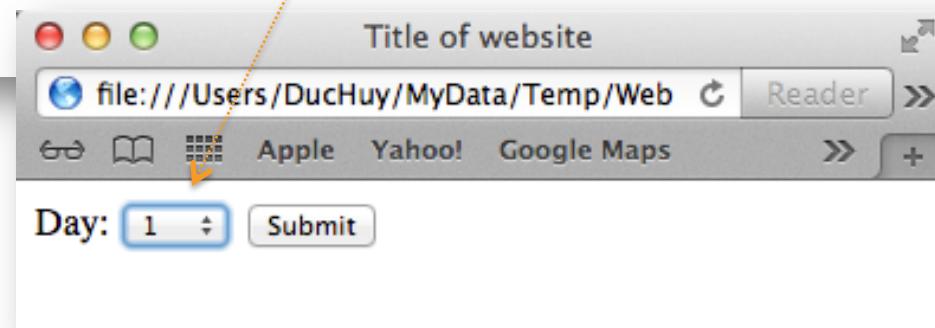
    divTable.appendChild(tagTable);
}
```



# Ví dụ Tạo ComboBox bằng JavaScript



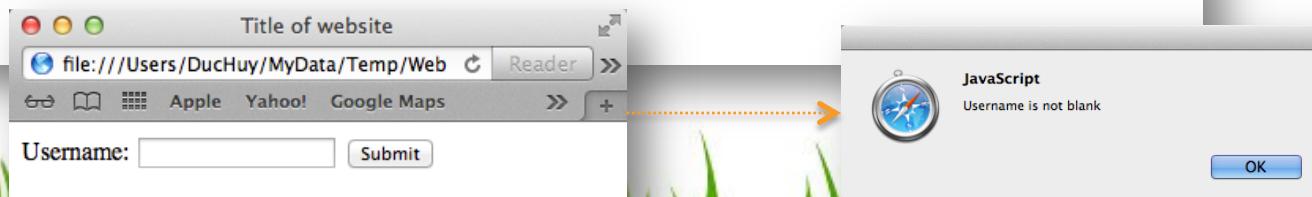
```
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN" "http://www.w3.org/TR/xhtml1/DTD/xhtml1-transitional.dtd">
<html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">
    <head>
        <meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=UTF-8" />
        <title>Title of website</title>
    </head>
    <body>
        <form name="frmMain" action="#" method="get">
            Day:
            <select name="cmbDay">
                <script type="text/javascript">
                    for(var i = 1; i <= 31; i++){
                        document.writeln("<option value='" + i + "'>" + i + "</option>");
                    }
                </script>
            </select>
            <input type="submit" value="Submit" />
        </form>
    </body>
</html>
```



# Ví dụ Kiểm tra tính nhập liệu trước khi Submit



```
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN" "http://www.w3.org/TR/xhtml1/DTD/xhtml1-transitional.dtd">
<html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">
    <head>
        <meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=UTF-8" />
        <title>Title of website</title>
        <script type="text/javascript">
            function CheckInput(){
                var us = document.getElementById("txtUS");
                if(us.value == ""){
                    alert("Username is not blank");
                    us.focus(); //Đưa con trỏ điều khiển đến TextBox Username
                    return false;
                }
                return true;
            }
        </script>
    </head>
    <body>
        <form name="frmMain" action="#" method="get" onsubmit="return CheckInput()">
            Username: <input type="text" name="txtUS" id="txtUS" />
            <input type="submit" value="Submit" />
        </form>
    </body>
</html>
```



# Ngôn ngữ JavaScript

# Câu hỏi ?

